

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 102/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01/7/2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO - TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông **Bùi Thanh Giảng**.

Hội thẩm nhân dân :

1/ Ông **TLê Văn Kiệt**.

2/ Bà **Lê Thị Bé Bẩy**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Phạm Vân Trang** - cán bộ TAND TP Mỹ Tho.

Viện Kiểm sát nhân dân TP Mỹ Tho tham gia phiên tòa: **Bà Dương Thị Châu** –
Kiểm sát viên.

Ngày 19/4 và ngày 01/7/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2021/TLST- HNGĐ ngày 12/4/ 2021 về việc “ ly hôn ” theo quyết định xét xử số 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2022 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/QĐST-DS ngày 19/4/2022 giữa các đương sự :

* *Nguyên đơn :* Chị Hà Thị P, sinh 1972 (có mặt).

HKTT: Tổ 8, KP.4, ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền giải quyết phần tài sản:

Anh Đoàn Hữu V, sinh 1960.

Địa chỉ: Số 906 ấp Phong Thuận, xã Tân Mỹ Chánh, TP Mỹ Tho, Tiền Giang.

Ngày 28/6/2022 ông Vũ có đơn không làm đại diện ủy quyền cho bà Phượng.

* *Bị đơn :* Anh Nguyễn Văn S, sinh 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, KP.4, ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền giải quyết phần tài sản:

Anh Trần Phước N, sinh 1995.(có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, TT. Tân Thạnh, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Chỗ ở: Số 12B Trương Định, phường D, TP C, Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp là:

Luật sư Phan Thanh S- Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn khởi kiện, bản tư khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị P trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn S tự nguyện kết hôn năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Đức, huyện Châu Thành, Tiền Giang ngày 30/10/1995. Trong quá trình chung sống hai người hạnh phúc, hòa thuận, đến năm 2019 thì vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, chị phát hiện bất quả tang anh S thuê khách sạn ở cùng người phụ nữ khác, anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Có 02 người tên Nguyễn Hà Ngọc Q, sinh ngày 11/10/1996 và Nguyễn Hà Ngọc H, sinh ngày 16/4/2004, hiện cháu Quyên, cháu Hân đã trưởng thành.

Về tài sản chung gồm:

- Thửa đất số 567, tờ bản đồ số 64, diện tích 325,9m² tạo lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS20933 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/10/2019 do anh Nguyễn Văn S đứng tên.

- Thửa đất số 432, tờ bản đồ số 64, diện tích 176,6m² tạo lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS18898 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/11/2019 do anh Nguyễn Văn S đứng tên.

Chị yêu cầu: Chia cho chị thửa đất số 432, tờ bản đồ số 64, diện tích 176,6m² tạo lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS18898 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/11/2019 do anh Nguyễn Văn S đứng tên và phần đất diện tích ngang 04m dài hết đất sát lộ công cộng đo vào tại thửa 567, tờ bản đồ số 64, diện tích 325,9m² tạo lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS20933 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/10/2019 do anh Nguyễn Văn S đứng tên.

Về nợ chung: Trước đây vợ chồng có nợ số tiền 100.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang đã thế chấp thửa đất số 567, tờ bản đồ số 64, diện tích 325,9m² tạo lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS20933 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/10/2019 do ông Nguyễn Văn S đứng tên. Quá trình giải quyết vụ án anh S đã trả xong.

- Về chi phí tố tụng: Không yêu cầu giải quyết.

Đại diện ủy quyền giải quyết phần tài sản của chị P là anh Đoàn Hữu V trình bày trước đây trình bày: Thửa đất số 567, tờ bản đồ số 64, diện tích 325,9m² tạo lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS20933 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/10/2019 và thửa đất số 432, tờ bản đồ số 64, diện tích 176,6m² tạo lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS18898 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/11/2019 do anh Nguyễn Văn S đứng tên là tài sản chung của anh S và chị P trong thời kỳ hôn nhân nên đề nghị Tòa án phân chia theo yêu cầu của chị P. Đối với phần nợ chung do anh S tự nguyện trả xong nên không yêu cầu.

* *Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn S trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị Hà Thị P về quá trình kết hôn, trong quá trình chung sống hai người hạnh phúc, hòa thuận, đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và ly thân cho đến nay, thống nhất về con chung, nợ chung.

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Hà Thị P.

- Về con chung: Có 02 người tên Nguyễn Hà Ngọc Q, sinh ngày 11/10/1996 và Nguyễn Hà Ngọc H, sinh ngày 16/4/2004, hiện cả 02 đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Trước đây, anh chị có vay số tiền 100.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang và thế chấp thửa đất số 567, tờ bản đồ số 64, diện tích 325,9m² tạo lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CS20933 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/10/2019 do ông Nguyễn Văn S đứng tên. Trong quá trình giải quyết vụ án anh đã trả xong.

- Đối với thửa đất số 567, tờ bản đồ số 64, diện tích 325,9m² tạo lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CS20933 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/10/2019 do Nguyễn Văn S đứng tên và thửa đất số 432, tờ bản đồ số 64, diện tích 176,6m² tạo lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CS18898 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/11/2019 do Nguyễn Văn S đứng tên. Đây là các tài sản của riêng của anh do anh được mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Vinh tặng cho vào năm 2019 và 2020.

Theo yêu cầu chia tài sản của chị P thì anh không đồng ý vì không có tài sản chung. Anh đồng ý hỗ trợ chị P số tiền 400.000.000 đồng sau ly hôn.

Trước đây, anh có yêu cầu phản tố là yêu cầu chị P trả anh số tiền 350.000.000 đồng mà chị P mượn của anh nhưng không có làm biên nhận, anh có ghi âm và ghi lại nội dung bằng văn bản thể hiện việc chị Phương có mượn anh số tiền trên. Nay anh rút lại yêu cầu này.

- Về chi phí tố tụng: Không có yêu cầu.

* Đại diện theo ủy quyền giải quyết phần tài sản, anh Trần Phước N trình bày: Về tài sản mà chị P yêu cầu phân chia anh không đồng ý, bởi phần tài sản mà chị P yêu cầu chia là tài sản riêng của anh Nguyễn Văn S, anh S được mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Vinh tặng cho riêng vào ngày 27/9/2019 và ngày 15/9/2020, có lập hợp đồng tặng cho tại Văn phòng Công chứng Lâm Thị Minh Nguyệt.

Anh S rút yêu cầu phản tố, anh không có ý kiến.

* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh S trình bày: Đối với thửa đất số 567, tờ bản đồ số 64, diện tích 325,9m² tạo lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CS20933 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/10/2019 do Nguyễn Văn S đứng tên và thửa đất số 432, tờ bản đồ số 64, diện tích 176,6m² tạo lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CS18898 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/11/2019 do Nguyễn Văn S đứng tên. Đây là các tài sản của riêng của anh do anh S được mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Vinh tặng cho vào năm 2019 và 2020. Do vậy, chị P và anh S không có tài sản chung nên đề nghị Tòa bác yêu cầu chia tài sản chung của chị P.

Về yêu cầu phản tố: Anh S rút yêu cầu nên anh không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Mỹ Tho phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và của Hội đồng xét xử kể từ

khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Nguyễn Văn S và chị Hà Thị P. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Thừa đất số 567, tờ bản đồ số 64, diện tích 325,9m² tạo lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS20933 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/10/2019 do Nguyễn Văn S đứng tên và thừa đất số 432, tờ bản đồ số 64, diện tích 176,6m² tạo lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS18898 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/11/2019 do Nguyễn Văn S đứng tên. Đây là các tài sản của riêng của anh do anh S được mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Vinh tặng cho vào năm 2019 và 2020 nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của anh S về việc hỗ trợ chị P số tiền 400.000.000 đồng sau ly hôn.

- Về yêu cầu phân tố: Đề nghị đình chỉ do bị đơn tự nguyện rút yêu cầu.

- Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01/95 ngày 30/10/1995 của Ủy ban nhân dân xã Bình Đức, huyện Châu Thành, Tiền Giang thì anh Nguyễn Văn S và chị Hà Thị P nên quan hệ giữa anh S và chị P được pháp luật công nhận là vợ chồng. Chị P xin ly hôn với anh S thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Mỹ Tho.

Anh Nguyễn Văn S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh S. Đối với Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang đã cho chị P và anh S vay nhưng anh S đã tự nguyện trả xong; Đối với anh Trương Vĩnh Trường có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với anh Nguyễn Văn S thừa đất số 432, tờ bản đồ số 64, diện tích 176,6m² tạo lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS18898 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/11/2019 do Nguyễn Văn S đứng tên nhưng các bên đã thỏa thuận hủy hợp đồng nên Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng. Tại phiên tòa ngày 01/7/2022 anh S có mặt .

[2] Xét thấy đã là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Anh S và chị P từ khi kết hôn với nhau đến nay đã có 02 người tên Nguyễn Hà Ngọc Q, sinh ngày 11/10/1996 và Nguyễn Hà Ngọc H, sinh ngày 16/4/2004, hiện cả 02 đã trưởng thành. Anh chị cũng chung sống hạnh phúc với nhau thời gian dài thì đã phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống, hai người không có tiếng nói chung mặc dù cả hai người cũng cố gắng tạo điều kiện để hòa hợp mà lo cho con chung thế nhưng không thể hàn gắn được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chị P nhận thấy anh S không còn tình cảm với chị vì chị phát hiện

anh có người phụ nữ khác, không cùng chị lo cho các con. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh S và anh S cũng đồng ý ly hôn với chị P. Hội đồng xét xử thấy rằng việc anh S đồng ý ly hôn với chị P là tự nguyện nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Có 02 người tên Nguyễn Hà Ngọc Q, sinh ngày 11/10/1996 và Nguyễn Hà Ngọc H, sinh ngày 16/4/2004, hiện đã trưởng thành nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị P cho rằng tài sản chung gồm: Thửa đất số 567, tờ bản đồ số 64, diện tích 325,9m² tọa lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CS20933 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/10/2019 do anh Nguyễn Văn S đứng tên và Thửa đất số 432, tờ bản đồ số 64, diện tích 176,6m² tọa lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CS18898 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/11/2019 do anh Nguyễn Văn S đứng tên.

* Chị yêu cầu: Chia cho chị thửa đất số 432, tờ bản đồ số 64, diện tích 176,6m² tọa lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CS18898 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/11/2019 do anh Nguyễn Văn S đứng tên và phần đất diện tích ngang 04m dài hết đất sát lộ công cộng đo vào tại thửa 567, tờ bản đồ số 64, diện tích 325,9m² tọa lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CS20933 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/10/2019 do anh Nguyễn Văn S đứng tên.

Anh S cho rằng hai thửa đất trên mà chị P yêu cầu chia là tài sản của mẹ anh tặng cho riêng anh vào năm 2019 và năm 2020 nên đây là tài sản của cá nhân anh nên anh không đồng ý chia theo yêu cầu của chị P. Anh chỉ đồng ý hỗ trợ chị P số tiền 400.000.000 đồng sau ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, Hai thửa đất mà chị P yêu cầu chia ở trên có nguồn gốc là của bà Nguyễn Thị Vinh (là mẹ ruột anh S) tặng cho anh Nguyễn Văn S theo hợp đồng tặng cho vào ngày 27/9/2019 và ngày 15/9/2020, có lập hợp đồng tặng cho công chứng tại Văn phòng Công chứng Lâm Thị Minh Nguyệt. Tuy nhiên, dù đây là tài sản của bà Nguyễn Thị Vinh tặng cho anh S nhưng có nguồn gốc từ việc giải tỏa đền bù phần đất mà bà Vinh, anh S, chị P cùng các con sinh sống trước đó. Chị P và anh S kết hôn năm 1995 đến nay, trong các bản tự khai anh S cho rằng chị P ở chung anh khoảng 01 năm thì không có ở chung nữa mà ở riêng với cha mẹ ruột đến năm 2018 nhưng tại biên bản hòa giải ngày 06/5/2021 thì anh thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì mới phát sinh mâu thuẫn. Điều này cho thấy chị P sống bên nhà chồng thời gian dài cũng có công sức đóng góp nhất định. Mặt khác, tại hợp đồng tín dụng số: 01/2020/640935/HĐTD ngày 23/9/2020, anh S và chị P cùng vay Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang số tiền 100.000.000 đồng và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/640935/HĐTD ngày 23/9/2020, anh S đã đưa thửa đất số 567, tờ bản đồ số 64, diện tích 325,9m² tọa lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CS20933 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/10/2019 do anh Nguyễn Văn S đứng tên để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng mà anh chị cùng vay. Điều này thể hiện việc anh S tự nguyện xem đây là tài sản chung để đảm bảo cho việc vay chung. Vì vậy, nên chấp nhận 01 phần yêu cầu của chị P,

chia tài sản chung là thửa đất số 567, tờ bản đồ số 64, diện tích 325,9m² tạo lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS20933 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/10/2019 do anh Nguyễn Văn S đứng tên. Theo kết quả định giá mà các bên đã thống nhất thì thửa đất số 567, tờ bản đồ số 64, diện tích 325,9m² và tài sản trên đất (nhà) có tổng giá trị là 2.276.450.020 đồng. Như vậy, chị P được hưởng 1/2 giá trị là 1.138.225.010 đồng.

Giao cho anh S thửa đất số 567, tờ bản đồ số 64, diện tích 325,9m² tạo lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS20933 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/10/2019 do anh Nguyễn Văn S đứng tên.

Đối với thửa đất số 432, tờ bản đồ số 64, diện tích 176,6m² tạo lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS18898 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/11/2019 do anh Nguyễn Văn S đứng tên không có căn cứ xác định là tài sản chung giữa anh S và chị P nên thuộc về anh S.

Để tạo điều kiện cho chị P và các con sinh sống, ổn định nơi ở sau ly hôn, cần giao thửa đất số 432, tờ bản đồ số 64, diện tích 176,6m² tọa lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS18898 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/11/2019 do anh Nguyễn Văn S đứng tên (nhà đất hiện chưa có người ở) cho chị P và khấu trừ vào phần giá trị tài sản mà chị P được hưởng. Theo định giá, tổng giá trị nhà và đất tại thửa đất số 432, tờ bản đồ số 64, diện tích 176,6m² là 1.227.219.312 đồng. Như vậy chị P phải hoàn lại cho anh S số tiền 88.994.302 đồng.

[5] Đối với yêu cầu phản tố, anh S yêu cầu chị P trả 350.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh S tự nguyện rút lại yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ.

[6] Về nợ chung: Tuy anh S và chị P cùng vay số tiền 100.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang nhưng anh S tự nguyện trả xong và không có yêu cầu gì nên ghi nhận.

[7] Về chi phí tố tụng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xét.

[8] Về án phí: Anh S, chị P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận phần phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 53, 55, 57, 59 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

* Công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Hà Thị P và anh Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét.

- Về tài sản chung:

+ Giao cho anh Nguyễn Văn S thừa đất số 567, tờ bản đồ số 64, diện tích 325,9m² tọa lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CS20933 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/10/2019 do anh Nguyễn Văn S đứng tên

+ Giao cho chị Hà Thị P thừa đất số 432, tờ bản đồ số 64, diện tích 176,6m² tọa lạc tại ấp A, xã B, TP C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CS18898 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/11/2019 do anh Nguyễn Văn S đứng tên.

Chị P được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký lại quyền sử dụng đất.

Chị Hà Thị P hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn S số tiền 88.994.302 đồng.

- Kể từ ngày anh S có đơn yêu cầu thi hành án gửi Cơ quan Thi hành án Dân sự, mà chị P không thanh toán hoặc chậm thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng, chị P còn phải trả cho anh S khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 BLDS.

* Đình chỉ yêu cầu phân tố của anh Nguyễn Văn S về việc yêu cầu chị Hà Thị P trả số tiền 350.000.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Hà Thị P phải chịu 300.000 đồng và án phí chia tài sản là 46.146.750 đồng. Chị P đã nộp 32.550.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005602 và 0005603 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự TP Mỹ Tho nên chị P phải nộp tiếp số tiền 13.596.750 đồng. Anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí chia tài sản là 46.146.750 đồng. Anh S đã nộp 8.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004470 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự TP Mỹ Tho nên phải nộp tiếp số tiền 37.396.750 đồng.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TPMT;
- Chi cục THADS TPMT;
- UBND xã Bình Đức,
- Các đương sự;
- Lưu .

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thanh Giảng

